

Bản án số: **168/2023/DS-ST**
Ngày: 22-9-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;
2. Ông Nguyễn Thái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 570/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2023/QĐXX-ST ngày 17/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1439/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Xuân N**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 4A, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông **Hán Vinh Đ**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 17, lô B8, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Xuân N trình bày:

Ngày 10/11/2021, tại Văn phòng công chứng N địa chỉ: Số 1231 đường N, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, ông Hán Vinh Đ có ký hợp đồng vay tài sản với ông Trần Xuân N số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 (một) năm (kể từ ngày 10/11/2021 đến ngày

10/11/2022), mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, việc thực hiện hợp đồng được diễn ra tại Văn phòng công chứng N.

Tuy nhiên, sau thời hạn 01 (một) năm ông N vẫn chưa nhận được số tiền gốc hay lãi nào từ ông Đ. Ông N đã cố gắng liên lạc nhưng ông Đ vẫn cố tình né tránh, lẩn trốn, che giấu chỗ ở, không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, ông Trần Xuân N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hán Vinh Đ trả lại tổng số tiền là 351.750.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của nhà nước tạm tính từ tháng 10/2021 tới tháng 08/2023 là 23 tháng, cụ thể: 23 tháng x 9%/năm x 300.000.000 = 51.750.000 đồng.

Bị đơn ông Hán Vinh Đ đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật; có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về chi phí tố tụng và án phí ông Hán Vinh Đ phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tổ tụng:

- Về tư cách tổ tụng và quan hệ tranh chấp:

Ông Trần Xuân N khởi kiện ông Hán Vinh Đ thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015 xác định ông Trần Xuân N là nguyên đơn, ông Hán Vinh Đ là bị đơn; Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Ông Hán Vinh Đ có cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về thủ tục tổ tụng khác:** Ông Trần Xuân N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Hán Vinh Đ đã được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ 02 lần (quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và quyết định hoãn phiên tòa) nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với ông Đ nhưng căn cứ vào hợp đồng vay tài sản giữa ông N và ông Đ được thực hiện tại Văn phòng công chứng N vào ngày 10/11/2021 nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định ông Trần Xuân N có cho ông Hán Vinh Đ vay số tiền 300.000.000 đồng là có thật và từ ngày vay cho đến nay, ông Đ chưa trả cho ông N bất kì khoản nợ gốc hay lãi nào nên căn cứ theo đó thì ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng ông Đ vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, do vậy xem như ông Đ đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ. Do đó việc khởi kiện tranh chấp số tiền 300.000.000 đồng của ông N là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Mặc dù trong quá trình vay tiền, ông N và ông Đ không thỏa thuận rõ lãi suất cụ thể nhưng nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 9%/năm là đúng với quy định của pháp luật. Căn cứ 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N về tổng số tiền lãi trên số nợ gốc 300.000.000 đồng là 51.750.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần

Xuân N, buộc ông Hán Vinh Đ phải trả cho ông N tổng số tiền 351.750.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi là 51.750.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Hán Vinh Đ phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng, do đó buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Hán Vinh Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân N đối với ông Hán Vinh Đ về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hán Vinh Đ phải trả cho ông Trần Xuân N số tiền 351.750.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính từ tháng 10/2021 đến tháng 08/2023 là 51.750.000 đồng.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về chi phí tố tụng*: Buộc ông Hán Vinh Đ có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông Trần Xuân N.

3. *Về án phí*: Ông Hán Vinh Đ phải chịu 17.587.500 đồng (Mười bảy triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Xuân N số tiền 8.250.000 đồng (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007437 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hòa